

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845

Fax: (84-4) 35 540 847

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	09 - 10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên giao dịch quốc tế là Hong Ha Vietnam Joint Stock Company, tên viết tắt là HongHa Vietnam.,JSC, tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước. Công ty được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xây dựng Hồng Hà thuộc Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006903 ngày 14/03/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, sau đó Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu Khí. Ngày 16 tháng 01 năm 2013 Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí đổi tên thành Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam. Công ty có mười ba lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười ba ngày 16/01/2013 thì:

- Vốn Điều lệ: **200.000.000.000 VND** (Hai trăm tỷ đồng Việt Nam)
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Ngày 17/3/2010, cổ phiếu của Công ty đã niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán: PHH

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Chuẩn bị mặt bằng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Đúc kim loại màu; Đúc sắt thép;
- Sản xuất sắt, thép, gang; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt: quặng bôxít, nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, crôm, niken, coban, molybden, tantali, vanadi (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Khai thác quặng sắt; Hoạt động thăm dò nguồn nước; Khảo sát địa chất, trắc địa công trình;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản:
 - + Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản;
 - + Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản./.
- Tư vấn đầu thầu;
- Kiểm định chất lượng công trình, thẩm tra thiết kế và tổng dự toán công trình (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách du lịch bằng xe ô tô;
- Gia công cơ khí, lắp đặt, bảo hành, bảo trì, sửa chữa, bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất, mua bán, cho thuê các loại máy móc thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế quy hoạch chung, vùng, chi tiết đối với các khu đô thị;
- Tư vấn đầu tư, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc, vật tư, thiết bị;

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội
Tel: (84-4) 35 540 845 Fax: (84-4) 35 540 847

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

đính kèm báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014
đến 30/06/2014

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, bất động sản, cho thuê nhà văn phòng, dịch vụ khách sạn, đưa đón khách du lịch;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, ký gửi hàng hóa; Gia công cơ khí và lắp đặt kết cấu kim loại, gia công chế biến gỗ, trang trí nội ngoại thất;
- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 110 KV, các công trình ngầm, xử lý nền móng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương).

Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014 và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Hoàng Anh

Ông Hoàng Quốc Huy

Bà Đoàn Thị Bích Hà

Ông Trịnh Thanh Giảng

Ông Trần Văn Long

Ban Giám đốc

Ông Lê Hoàng Anh

Ông Hoàng Quốc Huy

Bà Đoàn Thị Bích Hà

Ông Phạm Vinh Hiền

Ông Huỳnh Thanh Quyết

Bà Lê Hoài Thu

Chức vụ

Chủ tịch

Phó Chủ tịch

Ủy viên

Ủy viên

Ủy viên

Chức vụ

Tổng Giám đốc

Phó Tổng giám đốc

Phó Tổng giám đốc

Phó Tổng giám đốc

Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 02/06/2014)

Kế toán trưởng

Trụ sở chính

Địa chỉ : 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Địa chỉ giao dịch hiện tại: 161A Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Tel : (84-4) 355 408 45

Fax : (84-4) 355 408 47

Mã số thuế : 0100109674

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2014 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Lê Hoàng Anh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2014

Số: -14/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2014

BÁO CÁO

KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi : **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 được lập ngày 22 tháng 07 năm 2014 của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") từ trang 06 đến trang 32 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Công ty chưa đánh giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác để xem xét việc trích lập dự phòng và chưa thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với một số khoản phải thu khác đã quá hạn thanh toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoài các vấn đề nêu trên chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo kết quả công tác soát xét được lập thành 13 bản bằng tiếng Việt, Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam giữ 12 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Phạm Hùng Sơn

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Nguyễn Thị Hồng Vân

Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0946-2013-034-1

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845

Fax: (84-4) 35 540 847

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014

đến 30/06/2014

Mẫu số B 01a - DN**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		343.195.634.142	385.519.569.263
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		12.969.377.177	49.137.388.145
1. Tiền	111	V.1	12.969.377.177	49.137.388.145
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		245.377.560.327	208.405.238.634
1. Phải thu của khách hàng	131		140.260.772.384	155.810.309.106
2. Trả trước cho người bán	132		53.977.518.626	1.977.167.445
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	81.652.046.817	81.130.539.583
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(30.512.777.500)	(30.512.777.500)
IV. Hàng tồn kho	140		78.118.662.494	121.786.326.109
1. Hàng tồn kho	141	V.3	78.118.662.494	121.786.326.109
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.730.034.144	6.190.616.375
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.4	2.492.821.309	2.492.821.309
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.2.1	4.237.212.835	3.697.795.066
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		275.522.125.872	268.616.995.155
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.500.806.366	6.757.300.761
1. TSCĐ hữu hình	221	V.5	3.105.490.003	4.361.984.398
- Nguyên giá	222		10.670.190.740	10.776.904.928
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.564.700.737)	(6.414.920.530)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6	2.395.316.363	2.395.316.363
III. Bất động sản đầu tư	240	V.7	919.092.000	919.092.000
- Nguyên giá	241		919.092.000	919.092.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8	266.674.475.612	258.487.895.612
1. Đầu tư vào Công ty con	251		161.872.600.000	153.686.020.000
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		25.300.000.000	25.300.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		83.223.000.000	83.223.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán ĐT dài hạn	259		(3.721.124.388)	(3.721.124.388)
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.427.751.894	2.452.706.782
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	2.427.751.894	2.452.706.782
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		618.717.760.014	654.136.564.418

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845

Fax: (84-4) 35 540 847

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014

đến 30/06/2014

Mẫu số B 01a - DN**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014***(tiếp theo)*

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		349.539.849.009	388.226.784.352
I. Nợ ngắn hạn	310		340.526.043.650	379.206.504.583
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	104.082.775.905	70.277.770.659
2. Phải trả người bán	312		161.542.391.437	254.812.547.465
3. Người mua trả tiền trước	313		55.670.843.928	43.369.062.944
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	3.126.386.486	645.797.735
6. Chi phí phải trả	316	V.12	7.769.073.950	1.610.586.388
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	3.226.184.045	3.393.206.826
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.108.387.899	5.097.532.566
II. Nợ dài hạn	330		9.013.805.359	9.020.279.769
1. Phải trả dài hạn người bán	331		9.000.000.000	9.000.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.14	13.805.359	20.279.769
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	V.15	269.177.911.005	265.909.780.066
I. Vốn chủ sở hữu	410		269.177.911.005	265.909.780.066
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		59.696.774.500	59.696.774.500
4. Cổ phiếu quỹ	414		(21.075.354.739)	(21.070.769.403)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		17.798.167.736	16.798.167.736
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.660.300.000	3.660.300.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4.082.251.900	4.082.251.900
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.015.771.608	2.743.055.333
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		618.717.760.014	654.136.564.418

*Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2014***CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM****Người lập biểu****Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****Phạm Thị Hải Yến****Lê Hoài Thu****Lê Hoàng Anh***(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)*

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội
 Tel: (84-4) 35 540 845 Fax: (84-4) 35 540 847

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014
 đến 30/06/2014

Mẫu số B 02a - DN**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		318.777.773.553	256.517.102.872
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.16	318.777.773.553	256.517.102.872
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.17	301.641.601.656	242.448.787.934
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		17.136.171.897	14.068.314.938
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.18	1.760.010.487	1.240.455.814
7. Chi phí tài chính	22	VI.19	5.708.893.665	4.463.955.355
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.708.893.665	4.463.955.355
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.2	9.239.555.311	8.722.019.764
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	30		3.947.733.408	2.122.795.633
11. Thu nhập khác	31	VIII.2.3	276.181.819	1.584.359.074
12. Chi phí khác	32	VIII.2.4	214.618.029	1.000.582.456
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		61.563.790	583.776.618
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.009.297.198	2.706.572.251
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.20	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.21	(6.474.410)	(25.228.458)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.015.771.608	2.731.800.709

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM**Người lập biểu****Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****Phạm Thị Hải Yến****Lê Hoài Thu****Lê Hoàng Anh**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ &	01		326.001.295.408	282.922.807.670
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá & dịch vụ	02		(371.180.230.397)	(303.594.943.522)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.508.515.667)	(2.502.175.187)
4	Tiền chi trả lãi vay	04		(5.708.893.665)	(4.463.955.355)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.597.934.359	8.285.510.184
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(11.211.619.443)	(21.617.846.740)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(63.010.029.405)	(40.970.602.950)
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các Tài sản dài hạn khác	21		-	(47.000.000)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TS dài hạn khác	22		303.800.000	83.127.116
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(2.000.000.000)
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	4.000.000.000
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(8.186.580.000)	(7.880.430.000)
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		919.793.191	1.240.455.814
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.962.986.809)	(4.603.847.070)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2	Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33		238.138.639.102	179.563.802.539
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(204.333.633.856)	(165.269.000.466)
5	Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(6.888.625.480)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		33.805.005.246	7.406.176.593
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(36.168.010.968)	(38.168.273.427)

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp trực tiếp)***Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014***(tiếp theo)*

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		49.137.388.145	66.799.504.417
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.1	12.969.377.177	28.631.230.990

*Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2014***CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM****Người lập biểu****Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****Phạm Thị Hải Yến****Lê Hoài Thu****Lê Hoàng Anh**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014****I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên giao dịch quốc tế là Hong Ha Vietnam Joint Stock Company, tên viết tắt là HongHa Vietnam.,JSC, tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước. Công ty được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xây dựng Hồng Hà thuộc Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006903 ngày 14/03/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, sau đó Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu Khí. Ngày 16 tháng 01 năm 2013 thì Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí đổi tên thành Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam. Công ty có mười ba lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười ba ngày 16/01/2013 thì:

- Vốn Điều lệ: **200.000.000.000 VND** (Hai trăm tỷ đồng Việt Nam)
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Ngày 17/3/2010, cổ phiếu của Công ty đã niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán: PHH

Trụ sở Công ty tại: 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 35 540 845

Fax: (84-4) 35 540 847

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Chuẩn bị mặt bằng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Đúc kim loại màu; Đúc sắt thép;
- Sản xuất sắt, thép, gang; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt: quặng bôxít, nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, crôm, niken, coban, molybden, tantali, vanadi (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Khai thác quặng sắt; Hoạt động thăm dò nguồn nước; Khảo sát địa chất, trắc địa công trình;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản:
 - + Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản;
 - + Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản./.
- Tư vấn đấu thầu;
- Kiểm định chất lượng công trình, thẩm tra thiết kế và tổng dự toán công trình (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách du lịch bằng xe ô tô;
- Gia công cơ khí, lắp đặt, bảo hành, bảo trì, sửa chữa, bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất, mua bán, cho thuê các loại máy móc thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế quy hoạch chung, vùng, chi tiết đối với các khu đô thị;
- Tư vấn đầu tư, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc, vật tư, thiết bị;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014****(tiếp theo)**

- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, bất động sản, cho thuê nhà văn phòng, dịch vụ khách sạn, đưa đón khách du lịch;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, ký gửi hàng hóa; Gia công cơ khí và lắp đặt kết cấu kim loại, gia công chế biến gỗ, trang trí nội ngoại thất;
- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 110 KV, các công trình ngầm, xử lý nền móng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương).

Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng tiền Việt Nam ("VND"). Hạch toán theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các quy định của Luật kế toán Việt Nam số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Áp dụng hướng dẫn kế toán

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính kết thúc ngày 30/06/2014.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, sử dụng phần mềm kế toán EASY Accounting.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014****(tiếp theo)***Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:* Phương pháp thực tế đích danh.*Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Phương pháp kê khai thường xuyên.**3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ****3.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 về hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng, tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt, chạy thử.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định***Thời gian khấu hao <năm>***

- Nhà cửa vật kiến trúc	25
- Phương tiện vận tải	05 - 10
- Máy móc thiết bị	02 - 07
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

3.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất tại KDC Vĩnh Phú 1, phường Vĩnh Phú, TX Thuận An, Bình Dương do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá, được ghi nhận theo nguyên giá, phản ánh trên bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp hình thành bất động sản đầu tư.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con (*Công ty CPĐT & XD Hồng Hà Số 1 (nay là Công ty CP Hồng Hà Hà Nội); Công ty CP Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí; Công ty CP Sản xuất Cửa Hoa Kỳ; Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn*), đầu tư vào Công ty liên kết (*Công ty CP Sóng Đáy Hồng Hà Dầu khí*) và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

Trong đó, Khoản đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh và góp vốn vào Công ty TNHH Chackkaphanh Mining Group và Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào, được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày đầu tư.

Tại ngày 30/06/2014, Công ty không xem xét việc trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khác.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay***Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay***

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014****(tiếp theo)****6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác**

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ bao gồm công cụ dụng cụ và chi phí máy móc thiết bị văn phòng... có thời gian phân bổ từ 12 - 36 tháng.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí công trình, thực tế chưa chi nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí trong kỳ, dựa trên hợp đồng, biên bản bàn giao nhưng chưa có hóa đơn tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi (lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp.

Cổ phiếu quỹ là số cổ phiếu mua lại theo Nghị quyết 01-1/2011/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 25/01/2011 Công ty thực hiện mua cổ phiếu quỹ với số lượng 1.000.000 cổ phiếu với tổng giá trị 13.729.670.000 VND, theo Nghị quyết 05-2/2011/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 21/04/2011 Công ty thực hiện mua cổ phiếu quỹ với số lượng 786.000 cổ phiếu với tổng giá trị 6.826.540.837 VND. Theo nghị quyết số 01-1/2013/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 16/01/2013 công ty thực hiện mua cổ phiếu quỹ với số lượng 114.000 cổ phiếu với tổng giá trị 509.846.566 VND.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu xây lắp, cho thuê máy móc thiết bị và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hoá đơn GTGT, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 - “Hợp đồng xây dựng”.

Doanh thu cho thuê máy móc thiết bị được xác định theo thời gian cho thuê thực tế, hóa đơn tài chính đã xuất cho khách hàng và biên bản nghiệm thu thanh lý, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - “Doanh thu và thu nhập khác”.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - “Doanh thu và thu nhập khác”.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.**12.1. Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định các khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014****(tiếp theo)**

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Riêng, khoản phải thu khác của Công ty Cổ phần kinh doanh Tổng hợp Việt Lào tại thời điểm 30/06/2014 là khoản cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào vay theo hợp đồng vay vốn số 01/2009/VL-HHDK được ký kết giữa Công ty CP Hồng Hà Dầu khí (nay là Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam) với Công ty Cổ phần kinh doanh Tổng hợp Việt Lào với thời hạn cho vay từ ngày 31/01/2010 đến ngày 31/01/2012 với lãi suất thời điểm tính bằng mức trung bình lãi suất cho vay tổ chức của bốn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà nước tương ứng tại thời điểm chốt lãi trừ đi 1%/năm. (Trong đó: nợ gốc cho vay là 55 tỷ đồng; lãi vay phát sinh từ ngày 31/1/2010 đến ngày 31/12/2011 là 6.025.555.900 VND). Công ty thực hiện trích lập dự phòng trên số tiền phải thu của Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào bằng 50% số tiền nợ gốc và lãi vay cho vay đã quá hạn thanh toán 29 tháng với giá trị là 30.512.777.500 VND.

12.2. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng tòa nhà văn phòng 407 Nguyễn An Ninh được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

12.3. Ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn, khoản vay dài hạn tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội nhằm mục đích mua sắm tài sản cố định.

12.4. Các nghĩa vụ về thuế***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 10%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp:

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác:

Các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

12.5. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn của Công ty gồm: Giá vốn hoạt động xây lắp, cho thuê thiết bị.

Giá vốn của hoạt động xây lắp được xác định theo chi phí thực tế của từng công trình phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn cho thuê máy móc thiết bị là chi phí khấu hao và các chi phí khác phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014****(tiếp theo)****V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ****1. Tiền**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
<i>Tiền mặt tại quỹ</i>	<i>51.632.315</i>	<i>38.424.201</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>12.917.744.862</i>	<i>49.098.963.944</i>
VND	12.917.744.862	49.098.963.944
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội</i>	<i>9.932.621.344</i>	<i>11.933.106.408</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	<i>2.985.123.518</i>	<i>37.165.857.536</i>
Tổng cộng	12.969.377.177	49.137.388.145

2. Các khoản phải thu khác

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào (i)	61.025.555.900	61.025.555.900
Công ty TNHH Phong Thịnh (ii)	11.347.160.000	11.347.160.000
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (iii)	3.436.929.990	3.436.929.990
Đối tượng khác	5.842.400.927	5.320.893.693
Tổng cộng	81.652.046.817	81.130.539.583

(i) Là khoản cho Công ty Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào vay theo hợp đồng cho vay vốn số 01/2009/VL-HHDK với thời hạn vay từ ngày 31/01/2010 đến ngày 31/01/2012 và lãi vay. Trong đó nợ gốc là 55.000.000.000 VND và lãi vay là 6.025.555.900 VND.

(ii) Là khoản đặt cọc giá trị hợp đồng Dây truyền tuyến nổi quặng đồng cho Công ty TNHH Phong Thịnh số 09/2010 ngày 08/09/2010; Phụ lục hợp đồng ngày 22/02/2011; Phụ lục hợp đồng 02 ngày 22/03/2011, chưa được thực hiện theo tiến độ ghi trong hợp đồng (nhà máy đặt tại bản Poonglak, huyện Kasĩ, tỉnh Viêng Chăn, nước Cộng hòa DCND Lào).

(iii) Là phần lợi nhuận cố định phải chia theo hợp đồng của dự án Nguyễn An Ninh - Vũng Tàu theo hợp đồng số 122/2009 ngày 02/06/2009.

3. Hàng tồn kho

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	78.118.662.494	121.786.326.109
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	78.118.662.494	121.786.326.109

(i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty tại ngày 30/06/2014 là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các công trình: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Trụ sở chính, Bệnh viện Châm cứu trung ương, Chung cư CT9 Văn Phú, Bến xe Kim Mã, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình . . .

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014***(tiếp theo)***4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	2.492.821.309	2.492.821.309
Tổng cộng	2.492.821.309	2.492.821.309

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Dự án cao ốc văn phòng 407 Nguyễn An Ninh	2.395.316.363	2.395.316.363
Tổng cộng	2.395.316.363	2.395.316.363

7. Bất động sản đầu tư

				Đơn vị tính: VND
Khoản mục	01/01/2014	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2014
Nguyên giá	919.092.000	-	-	919.092.000
Quyền sử dụng đất	919.092.000	-	-	919.092.000
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại	919.092.000			919.092.000
Quyền sử dụng đất	919.092.000			919.092.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845

Fax: (84-4) 35 540 847

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014

đến 30/06/2014

Mẫu số B 09a - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

5. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
- Số dư ngày 01/01/2014	38.095.827	6.512.292.567	3.862.195.785	364.320.749	10.776.904.928
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(106.714.188)	-	-	(106.714.188)
- Số dư ngày 30/06/2014	38.095.827	6.405.578.379	3.862.195.785	364.320.749	10.670.190.740
Giá trị hao mòn lũy kế					
- Số dư ngày 01/01/2014	38.095.827	2.729.537.187	3.328.472.540	318.814.976	6.414.920.530
- Khấu hao trong kỳ	-	965.226.579	240.073.810	15.037.800	1.220.338.189
- Thanh lý, nhượng bán	-	(70.557.982)	-	-	(70.557.982)
- Số dư ngày 30/06/2014	38.095.827	3.624.205.784	3.568.546.350	333.852.776	7.564.700.737
Giá trị còn lại					
- Tại ngày 01/01/2014	-	3.782.755.380	533.723.245	45.505.773	4.361.984.398
- Tại ngày 30/06/2014	-	2.781.372.595	293.649.435	30.467.973	3.105.490.003

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: **274.093.475 VND**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014***(tiếp theo)***8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	30/06/2014		01/01/2014	
	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)
Đầu tư vào Công ty con		161.872.600.000		153.686.020.000
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	906.000	9.060.000.000	906.000	9.060.000.000
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	14.143.658	141.436.580.000	8.800.000	133.250.000.000
<i>Lý do thay đổi về số lượng và giá trị khoản đầu tư vào Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí: Công ty góp thêm vốn đầu tư.</i>				
+ về số lượng	818.658	Cổ phần		
+ về giá trị	8.186.580.000	VND		
Công ty CP Sản xuất Cửa Hoa Kỳ	303.000	3.176.020.000	303.000	3.176.020.000
Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	820.000	8.200.000.000	820.000	8.200.000.000
Đầu tư vào Công ty liên kết		25.300.000.000		25.300.000.000
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí	2.530.000	25.300.000.000	2.530.000	25.300.000.000
Đầu tư dài hạn khác		83.223.000.000		83.223.000.000
Công ty CP KD Tổng hợp Việt Lào	19,05%	4.200.500.000	19,05%	4.200.500.000
Công ty Chackkaphanh	20,00%	77.022.500.000	20,00%	77.022.500.000
Công ty CP XNK thủy sản Quảng Ninh	9,98%	2.000.000.000	9,98%	2.000.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán ĐT dài hạn		3.721.124.388		3.721.124.388
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí		3.721.124.388		3.721.124.388

9. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.427.751.894	2.452.706.782
Tổng cộng	2.427.751.894	2.452.706.782

10. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quân đội (i)	55.685.287.317	50.585.092.915
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	48.397.488.588	19.692.677.744
Tổng cộng	104.082.775.905	70.277.770.659

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014****(tiếp theo)**

i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo:

- Các hợp đồng tín dụng được thực hiện theo thông báo hạn mức số 852/TXU ngày 12/11/2013. Giá trị hạn mức tín dụng cho Văn phòng Công ty là 60 tỷ đồng. Thời hạn giải ngân đến hết ngày 30/9/2014. Thời gian cho vay: tối đa 09 tháng/khế ước. Lãi suất theo quy định của MB tại thời điểm giải ngân. Kỳ tính lãi theo tháng, thu gốc cuối kỳ. Biện pháp đảm bảo khoản vay: bằng tài sản đảm bảo của bên vay theo các hợp đồng thế chấp.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam theo:

- Các hợp đồng tín dụng được thực hiện theo thông báo hạn mức số 784CV/CNTHN-KHDN ngày 01/8/2013. Giá trị hạn mức tín dụng cho vay ngắn hạn là 100 tỷ đồng. Thời hạn duy trì giới hạn tín dụng đến ngày 31/7/2014. Phương thức cấp tín dụng: theo phương thức từng lần. Thời hạn cho vay: tối đa không quá 12 tháng/giấy nhận nợ. Biện pháp đảm bảo khoản vay: quyền tài sản phát sinh từ quyền đòi nợ thuộc sở hữu của công ty CP Hồng Hà Việt Nam phát sinh từ các hợp đồng kinh tế.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục	01/01/2014	Số phải nộp	Số đã nộp	Đơn vị tính: VND
				30/06/2014
Thuế GTGT	625.942.422	7.852.174.329	5.363.359.941	3.114.756.810
Thuế thu nhập cá nhân	19.855.313	138.835.677	147.061.314	11.629.676
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	645.797.735			3.126.386.486

12. Chi phí phải trả

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trích trước chi phí các công trình	7.769.073.950	1.610.586.388
Tổng cộng	7.769.073.950	1.610.586.388

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	58.581.920	116.740.860
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.167.602.125	3.276.465.966
Tổng cộng	3.226.184.045	3.393.206.826

14. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	13.805.359	20.279.769
Tổng cộng	13.805.359	20.279.769

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845

Fax: (84-4) 35 540 847

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014

đến 30/06/2014

Mẫu số B 09a - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu**15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
								Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2013	200.000.000.000	59.696.774.500	(20.556.210.837)	15.598.167.736	3.160.300.000	4.082.251.900	2.801.785.515	264.783.068.814
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	2.743.055.333	2.743.055.333
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(2.801.785.515)	(2.801.785.515)
Số dư ngày 01/01/2014	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.070.769.403)	16.798.167.736	3.660.300.000	4.082.251.900	2.743.055.333	265.909.780.066
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	4.015.771.608	4.015.771.608
Tăng khác	-	-	(4.585.336)	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	1.995.414.664
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(2.743.055.333)	(2.743.055.333)
Số dư ngày 30/06/2014	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.075.354.739)	17.798.167.736	4.660.300.000	4.082.251.900	4.015.771.608	269.177.911.005

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của Hội đồng cổ đông và được sử dụng để bổ sung vốn kinh doanh của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

- Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của Hội đồng cổ đông phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014****(tiếp theo)****15.. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các cổ đông của Công ty	181.000.000.000	181.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	19.000.000.000	19.000.000.000
Tổng cộng	200.000.000.000	200.000.000.000

15.. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

15.. Cổ phiếu

	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>20.000.000</i>	<i>20.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.900.000	1.786.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.100.000	18.214.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18.100.000</i>	<i>18.214.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ****16. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	274.363.316.715	256.113.352.874
Doanh thu hoạt động khác	44.414.456.838	403.749.998
Tổng cộng	318.777.773.553	256.517.102.872

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014****(tiếp theo)****17. Giá vốn hàng bán**

	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	257.227.144.818	242.064.324.424
Giá vốn hoạt động khác	44.414.456.838	384.463.510
Tổng cộng	301.641.601.656	242.448.787.934

18. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	45.210.487	184.554.814
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.714.800.000	1.055.901.000
Tổng cộng	1.760.010.487	1.240.455.814

19. Chi phí tài chính

	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.708.893.665	4.463.955.355
Tổng cộng	5.708.893.665	4.463.955.355

20. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường		
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	319.099.165.859	258.286.016.760
Doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phân bổ	25.897.642	100.913.832
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	316.798.168.661	256.626.875.046
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	2.326.894.840	1.760.055.546
Chuyển lỗ vào thu nhập chịu thuế trong kỳ	(2.326.894.840)	(1.760.055.546)
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

21. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	25.897.642	100.913.832
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	6.474.410	25.228.458

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014****(tiếp theo)****22. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Chi phí nguyên, vật liệu	244.751.508.416	185.583.812.140
Chi phí nhân công	9.679.188.010	43.833.893.761
Chi phí máy thi công	621.856.165	3.178.849.421
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.220.338.189	1.531.145.785
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền	10.940.602.572	14.427.466.238
Tổng cộng	267.213.493.352	248.555.167.345

23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên Báo cáo tài chính này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

24. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.11, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.969.377.177	49.137.388.145
Phải thu khách hàng và phải thu khác	191.400.041.701	206.428.071.189
Các khoản Đầu tư tài chính	83.223.000.000	83.223.000.000
Tổng cộng	287.592.418.878	338.788.459.334
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	104.082.775.905	70.277.770.659
Phải trả người bán và phải trả khác	173.768.575.482	267.205.754.291
Chi phí phải trả	7.769.073.950	1.610.586.388
Tổng cộng	285.620.425.337	339.094.111.338

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014***(tiếp theo)*

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 30/06/2014 do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty chịu rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn

Mẫu số B 09a - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014****(tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/06/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	164.768.575.482	9.000.000.000	173.768.575.482
Chi phí phải trả	7.769.073.950	-	7.769.073.950
Các khoản vay	104.082.775.905	-	104.082.775.905

01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	258.205.754.291	9.000.000.000	267.205.754.291
Chi phí phải trả	1.610.586.388	-	1.610.586.388
Các khoản vay	70.277.770.659	-	70.277.770.659

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức **cao. Tuy nhiên** Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.969.377.177	-	12.969.377.177
Các khoản đầu tư tài chính	-	83.223.000.000	83.223.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	191.400.041.701	-	191.400.041.701

01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.137.388.145	-	49.137.388.145
Các khoản đầu tư tài chính	-	83.223.000.000	83.223.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	206.428.071.189	-	206.428.071.189

VII Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Đổi trừ công nợ và cổ tức nhận được	840.000.000	-
Phí lưu ký cổ phiếu quỹ	217.296	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014***(tiếp theo)***VII Những thông tin khác****1. Thông tin với các bên liên quan****1.1 Giao dịch với các bên liên quan**

	Quan hệ với Công ty	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Doanh thu		44.390.864.110	113.981.818
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	Công ty con	125.034.546	113.981.818
Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	Công ty con	44.265.829.564	-
Doanh thu hoạt động tài chính		1.564.800.000	906.000.000
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	Công ty con	724.800.000	906.000.000
Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	Công ty con	840.000.000	-
Chi phí		177.364.261.592	112.642.646.508
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	Công ty con	41.374.159.355	53.382.559.153
Công ty CP Sản xuất Cửa Hoa Kỳ	Công ty con	12.206.758.920	496.664.900
Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	Công ty con	123.783.343.317	58.763.422.455

1.2 Số dư với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Trả trước cho người bán		50.213.628.730	2.684.129.524
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	Công ty con	57.192.988	104.129.524
Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	Công ty con	45.494.398.242	780.000.000
Công ty CP Sản xuất Cửa Hoa Kỳ	Công ty con	4.662.037.500	1.800.000.000
Người mua trả tiền trước		3.000.000.000	-
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	Công ty con	3.000.000.000	-
Phải trả người bán		68.294.202.040	110.001.170.626
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	Công ty con	47.035.254.279	71.703.138.075
Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	Công ty con	21.146.528.961	37.713.032.551
Công ty CP Sản xuất Cửa Hoa Kỳ	Công ty con	112.418.800	585.000.000

1.3 Thu nhập Ban Giám đốc

	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lương	1.071.400.000	1.188.500.000
Các khoản phúc lợi khác	11.500.000	6.000.000
Tổng cộng	1.082.900.000	1.194.500.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014****(tiếp theo)****2. Các thông tin khác****2.1 Tài sản ngắn hạn khác**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.237.212.835	3.697.795.066
Ngân hàng TMCP Quân đội	4.237.212.835	3.697.795.066
Tổng cộng	4.237.212.835	3.697.795.066

2.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.673.708.581	3.630.426.798
Chi phí dụng cụ đồ dùng	286.179.126	448.267.424
Chi phí khấu hao tài sản cố định	253.720.223	354.393.000
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	159.891.690
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.953.434.564	3.506.245.556
Chi phí bằng tiền khác	1.069.512.817	622.795.296
Tổng cộng	9.239.555.311	8.722.019.764

2.3 Thu nhập khác

	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Thu thanh lý tài sản cố định	276.181.819	25.909.091
Thu nhập khác	-	1.558.449.983
Tổng cộng	276.181.819	1.584.359.074

2.4 Chi phí khác

	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	214.618.029	15.124.022
Chi phí khác	-	985.458.434
Tổng cộng	214.618.029	1.000.582.456

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014****(tiếp theo)****2.5 Báo cáo bộ phận****2.5.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo khu vực địa lý**

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận địa lý của Công ty. Báo cáo chính yếu, bộ phận theo khu vực địa lý, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý.

Các khoản mục không được phân bổ hợp lý bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của các khách hàng Việt Nam ("trong nước") hay ở các nước khác ngoài Việt Nam ("xuất khẩu").

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

Chỉ tiêu	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
	(1)	(2)	(3)	(4 = 1 + 2 + 3)	(5)	(6 = 4 + 5)
1. Doanh thu bán hàng	115.345.020.016	15.835.614.799	187.597.138.738	318.777.773.553	-	318.777.773.553
2. Giá vốn hàng bán	107.463.670.044	15.431.349.481	178.746.582.131	301.641.601.656	-	301.641.601.656
Lợi nhuận gộp	7.881.349.972	404.265.318	8.850.556.607	17.136.171.897	-	17.136.171.897

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845

Fax: (84-4) 35 540 847

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014

đến 30/06/2014

Mẫu số B 09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014***(tiếp theo)***2.5.2 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong 3 lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính là xây lắp, chuyển nhượng bất động sản và dịch vụ khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Xây lắp	Chuyển nhượng BDS	Khác	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Tổng cộng
	(1)	(2)	(3)	(4 = 1 + 2 + 3)	(5)	(6 = 4 + 5)
Tài sản						
Tài sản bộ phận	535.022.345.197	4.736.929.990	78.958.484.827	618.717.760.014	-	618.717.760.014
Tổng tài sản	535.022.345.197	4.736.929.990	78.958.484.827	618.717.760.014	-	618.717.760.014
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	345.262.731.713	390.000.000	3.887.117.296	349.539.849.009	-	349.539.849.009
Tổng nợ phải trả	345.262.731.713	390.000.000	3.887.117.296	349.539.849.009	-	349.539.849.009

Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Xây lắp	Chuyển nhượng BDS	Khác	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Tổng cộng
	(1)	(2)	(3)	(4 = 1 + 2 + 3)	(5)	(6 = 4 + 5)
Tài sản						
Tài sản bộ phận	564.905.757.335	9.736.929.990	79.493.877.093	654.136.564.418	-	654.136.564.418
Tổng tài sản	564.905.757.335	9.736.929.990	79.493.877.093	654.136.564.418	-	654.136.564.418
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	385.028.629.116	390.000.000	2.808.155.236	388.226.784.352	-	388.226.784.352
Tổng nợ phải trả	385.028.629.116	390.000.000	2.808.155.236	388.226.784.352	-	388.226.784.352

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845

Fax: (84-4) 35 540 847

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014

đến 30/06/2014

Mẫu số B 09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014***(tiếp theo)***Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014**

Chỉ tiêu	Xây lắp	Chuyển nhượng BDS	Khác	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
	(1)	(2)	(3)	(4 = 1 + 2 + 3)	(5)	(6 = 4 + 5)
Doanh thu thuần	274.363.316.715	-	44.414.456.838	318.777.773.553	-	318.777.773.553
Doanh thu hoạt động tài chính	45.210.487	-	1.714.800.000	1.760.010.487	-	1.760.010.487
Chi phí sản xuất kinh doanh	272.175.593.794	-	44.414.456.838	316.590.050.632	-	316.590.050.632
- Giá vốn hàng bán	257.227.144.818	-	44.414.456.838	301.641.601.656	-	301.641.601.656
- Chi phí tài chính	5.708.893.665	-	-	5.708.893.665	-	5.708.893.665
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.239.555.311	-	-	9.239.555.311	-	9.239.555.311
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.232.933.408	-	1.714.800.000	3.947.733.408	-	3.947.733.408
Lỗ trong công ty liên kết	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	-	-	61.563.790	61.563.790	-	61.563.790
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	2.232.933.408	-	1.776.363.790	4.009.297.198	-	4.009.297.198

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013

Chỉ tiêu	Xây lắp	Chuyển nhượng BDS	Khác	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
	(1)	(2)	(3)	(4 = 1 + 2 + 3)	(5)	(6 = 4 + 5)
Doanh thu thuần	256.113.352.874	-	403.749.998	256.517.102.872	-	256.517.102.872
Doanh thu hoạt động tài chính	1.240.455.814	-	-	1.240.455.814	-	1.240.455.814
Chi phí sản xuất kinh doanh	255.250.299.543	-	384.463.510	255.634.763.053	-	255.634.763.053
- Giá vốn hàng bán	242.064.324.424	-	384.463.510	242.448.787.934	-	242.448.787.934
- Chi phí tài chính	4.463.955.355	-	-	4.463.955.355	-	4.463.955.355
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.722.019.764	-	-	8.722.019.764	-	8.722.019.764
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.103.509.145	-	19.286.488	2.122.795.633	-	2.122.795.633
Lỗ trong công ty liên kết	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	572.991.549	-	10.785.069	583.776.618	-	583.776.618
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	2.676.500.694	-	30.071.557	2.706.572.251	-	2.706.572.251

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

3. Số liệu so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013 của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hải Yến

Lê Hoài Thu

Lê Hoàng Anh